Phụ lục số 06

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày tháng 01 năm 2022 của Sở Công Thương tỉnh Lai Châu)

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được giao tự chủ tài chính theo NĐ số 141/2016/NĐ-CP	Tổng số cán bộ, viên chức (bao gồm lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên): người	Trong đó		Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp (triệu đồng)	Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên (triệu đồng)									Chi thường xuyên (triệu đồng)								Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)					Thu nhập tăng thêm				Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (triệu đồng)		Vốn vay, vốn huy động (triệu đồng)			
					Số lượng cán bộ, viên chức (người)	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên (người)		Tổng số	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Chi từ nguồn thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Chênh lệch thu chi thường xuyên năm	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích Quỹ khác (nếu có)	Tổng chi thu nhập tăng thêm trong năm (triệu đồng)	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (lần/ đơn vị)	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của từng đơn vị (triệu đồng/ tháng)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của từng đơn vị (triệu đồng/ tháng)	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đã trả nợ các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của cán bộ, viên chức	Số đã trả nợ cho cán bộ, viên chức
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26= (8+9+10+11+12+13+14+15)-(18+19+20+21+22+23+24) =27+28+29+30	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
	Tổng số	**1**	**1**	**10**	**10**	**0**	**797.3**	**965.8**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**965.8**	**0**	**0**	**965.8**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**965.8**	**0**	**0**	**0.0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**71.8**	**0.12**	**0.85**	**0.68**	**422.0**	**326.8**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Sở Công thương (Trung tâm Khuyến công tỉnh Lai Châu)**	**1**	**1**	**10**	**10**	**0**	**797.3**	**965.8**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**965.8**	**0**	**0**	**965.8**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**965.8**	**0**	**0**	**0.0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**71.8**	**0.12**	**0.85**	**0.68**	**422.0**	**326.8**	**0**	**0**	**0**	**0**